

## **Bài 71** ÔN TẬP PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA (3 tiết)

### **I** MỤC TIÊU

Giúp HS:

*Kiến thức, kĩ năng*

- Ôn tập ý nghĩa phép nhân, phép chia (khái niệm ban đầu xây dựng phép nhân, phép chia).
- Ôn tập, vận dụng bảng nhân, bảng chia 2 và 5 vào tính nhẩm và giải các bài toán liên quan đến phép nhân, phép chia.

### **Phát triển năng lực**

Qua hoạt động thực hành, vận dụng giải các bài toán thực tế, các bài toán có tình huống, HS được phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

## **II CHUẨN BỊ**

Bộ đồ dùng học Toán 2 (khi cần sử dụng), có thể phóng to bảng nhân, bảng chia 2 và 5.

## **III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Lưu ý chung:** Bài học gồm 3 tiết luyện tập. Ở mỗi tiết, GV có thể lựa chọn hình thức dạy học phù hợp với tiết luyện tập (HS được hoạt động cá nhân là chính, nhóm chỉ hỗ trợ với bài toán có tình huống mà GV đặt ra cần có sự tương tác, trao đổi, tránh hình thức, kém hiệu quả).

### **Tiết 1. Luyện tập**

**Yêu cầu chủ yếu của tiết học:** Ôn tập, củng cố phép nhân, chia trong phạm vi đã học; ôn tập về giải toán.

**Bài 1:** Yêu cầu ôn tập, củng cố ý nghĩa phép nhân (từ tổng các số hạng bằng nhau), tìm được phép nhân tương ứng (theo gợi ý đường nối trong SGK). Chẳng hạn tính từ trên xuống: Tranh 1 nối với  $10 \times 2 = 20$ ; tranh 2 nối với  $3 \times 6 = 18$ ; tranh 3 nối với  $4 \times 5 = 20$ ; tranh 4 nối với  $6 \times 4 = 24$ .

GV có thể thêm bớt nhóm quả ở mỗi tranh để HS nêu (viết) được phép nhân tương ứng (viết vào bảng con), rồi đối chiếu theo cặp đôi.

**Bài 2:** Yêu cầu HS tính phép nhân bằng cách chuyển phép nhân thành phép cộng các số hạng bằng nhau (theo mẫu câu a). Chẳng hạn:

– Câu b:  $9 \times 2 = 9 + 9 = 18$ . Vậy  $9 \times 2 = 18$ .

– Câu c:  $6 \times 5 = 6 + 6 + 6 + 6 + 6 = 30$ . Vậy  $6 \times 5 = 30$ .

**Bài 3:** Yêu cầu ôn tập, củng cố ý nghĩa phép chia (là phép tính ngược của phép nhân, từ một phép nhân suy ra hai phép chia tương ứng).

HS quan sát các phép nhân ở mỗi hình ô tô, rồi nêu, viết số thích hợp vào ô có dấu “?” để được hai phép chia ở hai bánh ô tô (theo mẫu). Chẳng hạn:  $5 \times 7 = 35$  thì  $35 : 5 = 7$  và  $35 : 7 = 5$ .

**Bài 4:** Yêu cầu HS giải bài toán có lời văn liên quan đến phép nhân. HS cần phân tích đề bài (cho biết gì, hỏi gì?), tìm phép tính thích hợp rồi trình bày bài giải. Chẳng hạn:

*Bài giải*

Số quả dưa có tất cả là:

$$5 \times 4 = 20 \text{ (quả)}$$

*Đáp số:* 20 quả dưa.

*Bài 5:* Yêu cầu HS giải bài toán có lời văn liên quan đến phép chia. HS cần phân tích đề bài (cho biết gì, hỏi gì?), tìm phép tính thích hợp rồi trình bày bài giải. Chẳng hạn:

*Bài giải*

Số hộp bánh mỗi tổ có là:

$$15 : 5 = 3 \text{ (hộp)}$$

*Đáp số:* 3 hộp bánh.

*Lưu ý:* Kết thúc tiết học GV có thể cho HS củng cố bài học. Chẳng hạn:

- Củng cố về ý nghĩa phép nhân, phép chia (như ở bài 1 bài 3).
- Vận dụng bảng nhân, bảng chia 2 và 5 vào tính nhẩm và giải bài toán thực tế có lời văn (củng cố trình bày bài giải).

## Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Yêu cầu dựa vào bảng nhân, bảng chia 2 và 5, HS tính nhẩm rồi nêu, viết được kết quả ở ô có dấu “?” trong mỗi câu a và b.

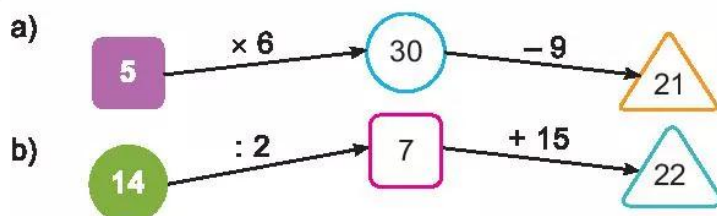
GV có thể thay đổi số để HS làm thêm các phép tính trong bảng nhân, bảng chia 2 và 5.

*Bài 2:* Yêu cầu HS tính nhẩm dựa vào bảng nhân, bảng chia 2 rồi tìm (nối) hai phép tính (ở ong và ở hoa) có cùng kết quả để biết ong nào đậu vào hoa nào. Chẳng hạn:  $2 \times 3 = 12 : 2 = 6$ ;  $2 \times 5 = 20 : 2 = 10$ ;  $2 \times 4 = 16 : 2 = 8$ ;  $2 \times 2 = 8 : 2 = 4$ .

- GV có thể đổi phép tính ở ong và hoa để được bài toán tương tự cho HS thực hiện.
- Nếu có điều kiện, GV có thể khai thác thêm bài toán. Chẳng hạn vẽ thêm chú ong với phép tính có kết quả không bằng kết quả của phép tính ở bông hoa nào, rồi hỏi: “Con ong nào không đậu được vào bông hoa?”.

*Bài 3:* Yêu cầu HS tính nhẩm rồi nêu, viết số thích hợp vào ô có dấu “?” ở mỗi câu a và b.

- Bài này củng cố thực hiện tính trong trường hợp có hai dấu phép tính.
- Kết quả:



*Bài 4:* Yêu cầu HS giải bài toán có lời văn. HS phân tích đề bài (cho biết gì, hỏi gì?), tìm phép tính thích hợp rồi trình bày bài giải. Chẳng hạn:

*Bài giải*

Số đội tham gia là:

$$2 \times 4 = 8 \text{ (đội)}$$

*Đáp số:* 8 đội.

- GV có thể lồng bài toán vào câu chuyện (cảnh múa rồng trong lễ hội nào đó) để gây hứng thú học tập cho HS.
- GV có thể nêu bài toán khác sử dụng phép chia. Chẳng hạn: “Có 12 người tham gia múa sư tử được chia vào các đội, mỗi đội có 2 người. Hỏi có mấy đội múa sư tử như vậy?”. Khi đó, bài toán được giải như sau:

*Bài giải*

Số đội múa sư tử có là:

$$12 : 2 = 6 \text{ (đội)}$$

*Đáp số:* 6 đội.

*Bài 5:* Yêu cầu HS phân tích đề bài, tìm phép tính thích hợp rồi trình bày bài giải. Chẳng hạn:

*Bài giải*

Mỗi đoạn gỗ dài là:

$$20 : 5 = 4 \text{ (dm)}$$

*Đáp số:* 4 dm.

*Lưu ý:* Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học. Chẳng hạn:

- Tính nhẩm dựa vào bảng nhân, bảng chia 2 và 5.
- Thực hiện tính trong trường hợp có hai dấu phép tính.
- Củng cố cách giải và trình bày bài giải bài toán có lời văn.

### **Tiết 3. Luyện tập**

*Bài 1:* Yêu cầu HS tính nhẩm (dựa vào bảng nhân, bảng chia 2 và 5) rồi nêu, viết kết quả của phép tính vào ô có dấu “?” trong các bảng. (Thực hiện tương tự bài 1 tiết 2 ở trên).

*Bài 2:* Yêu cầu HS tính nhẩm các phép tính ghi ở các củ cà rốt, rồi đối chiếu (nối) kết quả mỗi phép tính đó với số ghi ở thỏ. Từ đó tìm ra thỏ đã lấy được những củ cà rốt nào (như yêu cầu đề bài), rồi trả lời được các câu hỏi của bài toán. Chẳng hạn:

- Tính nhẩm kết quả của các phép tính ghi ở các củ cà rốt (để không bị sót phép tính, GV có thể cho tính các phép tính theo chiều kim đồng hồ), ta có:

$$2 \times 3 = 6; 2 \times 5 = 10; 50 : 5 = 10; 4 \times 2 = 8; 12 : 2 = 6;$$

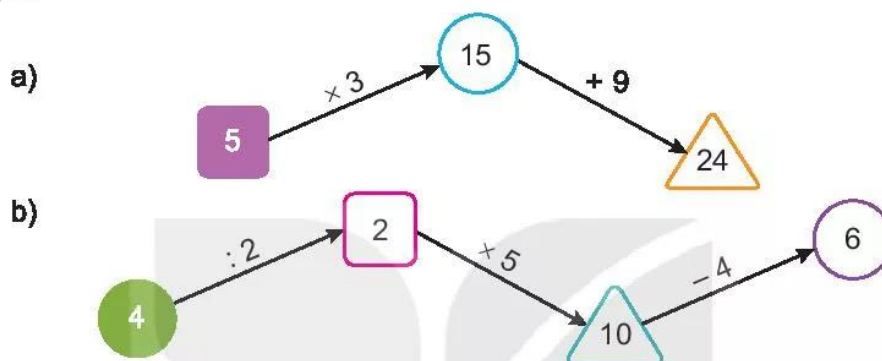
$$2 \times 4 = 8; 40 : 5 = 8; 30 : 5 = 6; 20 : 2 = 10; 16 : 2 = 8.$$

Xét thấy số phép tính có cùng kết quả bằng 8 là nhiều nhất (4 phép tính). Vậy thỏ ghi số 8 lấy được nhiều củ cà rốt nhất (4 củ).

– GV có thể hỏi thêm: “Hai chú thỏ nào lấy được số củ cà rốt bằng nhau?”

**Bài 3:** Yêu cầu HS tính nhẩm (dựa vào bảng nhân, bảng chia 2 và 5), từ đó nêu, viết số thích hợp vào ô có dấu “?” ở mỗi câu a và b.

– Kết quả:



**Bài 4:** Yêu cầu giải toán có lời văn. HS phân tích bài toán (cho biết gì, hỏi gì?), tìm phép tính thích hợp rồi trình bày bài giải. Chẳng hạn:

*Bài giải*

Số thuyền tham gia là:

$$5 \times 3 = 15 \text{ (thuyền)}$$

Đáp số: 15 thuyền.

**Bài 5:** Bài toán này có yếu tố suy luận, đỡ vui.

– GV cho HS tự đọc, phân tích để rồi tìm ra cách giải. HS có thể làm theo cách thử chọn:

+ Nếu có 1 con thỏ, tức là có 4 cái chân thỏ. Suy ra có 4 cái chân gà ( $8 - 4 = 4$ ).

Khi đó trong chuồng có 2 con gà ( $4 : 2 = 2$ ). Vậy có 1 con thỏ và 2 con gà.

+ Nếu có 2 con thỏ, tức là có 8 cái chân thỏ ( $4 \times 2 = 8$ ). Suy ra không có con gà nào ( $8 - 8 = 0$ ). Vậy trường hợp này không xảy ra. Tức là trong chuồng chỉ có 1 con thỏ.

– Tùy điều kiện, GV có thể khai thác thêm bằng cách đổi giả thiết bài toán, chẳng hạn: “Trong chuồng, cả gà và thỏ có 10 chân” để HS tự làm tại lớp hoặc tự học ở nhà.

*Lưu ý:* Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học. Chẳng hạn:

- Củng cố tính nhẩm (dựa vào bảng nhân, bảng chia 2 và 5).
- Củng cố thực hiện phép tính trong trường hợp có 2 dấu phép tính.
- Củng cố giải bài toán có lời văn (các bước làm, trong đó có trình bày bài giải).
- Ở bài 5, phát triển năng lực lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề.